

# TRANH TẾT CỦA NGƯỜI HÀ NỘI XƯA

Ngô Đức Cường

*Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non*

*Email: cuongnd@dhhp.edu.vn*

Nguyễn Thị Minh Tâm, Nguyễn Thị Trang

*Ngày nhận bài: 03/02/2023*

*Ngày PB đánh giá: 14/3/2023*

*Ngày duyệt đăng: 24/3/2023*

**TÓM TẮT:** Một trong những nét sinh hoạt truyền thống của người Hà Nội xưa trong dịp Tết Nguyên đán là thú chơi tranh, chơi chữ. Người chơi chữ, hay câu đối trong dịp Tết thường đến nhà các ông đồ trong vùng để xin chữ. Ngày xuân năm mới, khách đến chơi nhà, cùng thưởng trà và bình chữ, bình câu đối Tết là một thú chơi tao nhã. Ngoài câu đối thì tranh cũng là một món ăn tinh thần không thể thiếu trong ngày Tết của người Hà Nội xưa. Từ đầu tháng Chạp, phố Hàng Trống đã tấp nập người đến xem và chọn tranh. Dòng tranh Tết Hàng Trống là một trong những dòng tranh dân gian độc đáo, kết tinh nhiều giá trị thẩm mỹ, tinh thần và tín ngưỡng. Để trang hoàng nhà cửa đón Tết, các gia đình ở Hà Nội xưa thường trang trí tranh dân gian Hàng Trống với ước vọng cầu may mắn, bình an, mong ước một năm mới vui vẻ, hạnh phúc, làm ăn phát đạt, thành công.

**Từ khoá:** Tranh dân gian, tranh Tết, ý nghĩa nhân văn, tạo hình, Hàng Trống.

## TET PAINTINGS OF BYGONE HANOIANS

**ABSTRACT:** One of the traditional activities of Hanoians years ago during Tet holiday was paintings and calligraphy words contemplating (puns). People playing with puns or couplets during Tet holiday normally went to see an old teacher around the area to ask for calligraphy words or couplets. On New Year's Days, their guests would come to their houses, enjoy a cup of tea and a Tet couplet together was definitely an elegant hobby. In addition to the couplets, Tet paintings are also an indispensable spiritual food/ mental food on Tet holiday of bygone Hanoians. Since the beginning of December, Hang Trong Street had been crowded with people who came to look for their favourite paintings. Hang Trong Tet painting series is one of the unique folk painting lines crystallizing many aesthetic, spiritual and religious values. To decorate their homes to welcome Tet, in the families of bygone Hanoi often decorate their houses with Hang Trong folk paintings with the wish for good luck, peace, happiness, prosperity, success and a happy new year.

**Keywords:** Tet paintings, folk paintings, humanistic meanings, shaping, Hang Trong.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bài viết “*Tranh Hàng Trống*” của tác giả Chu Quang Trứ cho ta thấy dòng tranh dân gian này có từ rất sớm. Căn cứ vào các nhóm đề tài chính trong tranh dân gian Hàng Trống, dòng tranh thờ như tranh Tứ phủ, tam phủ, các thần tướng Bạch Hổ, Hắc Hổ, Ngũ hổ hay tranh Đức thánh Trần, Ông Hoàng... cũng phần nào cho chúng ta biết thêm về thời kỳ phát triển mạnh của tranh dân gian Hàng Trống là vào khoảng thời kỳ xuất hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh trong lịch sử dân tộc, vào khoảng thế kỉ thứ XV. Phần lớn tranh dân gian Hàng Trống thuộc chủ đề tôn giáo, phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng đa dạng của giới thị dân. Tranh thờ được bán quanh năm và vào dịp Tết Nguyên đán, người dân có nhu cầu sẽ mua về để thay trong không gian thờ cúng của gia đình. Bên cạnh đó, đề tài tranh chúc tụng, tranh Tết của dòng tranh dân gian Hàng Trống cũng khá phổ biến [4].

*“Dù ai buôn bán trăm nghề*

*Nhớ đến tháng Chạp thì về buôn tranh”.*

*(Cao dao)*

Sau ngày 23 tháng Chạp, các gia đình từ nông thôn đến thành thị thường tìm mua những bức tranh Tết thay cho tranh cũ trong nhà để “*tống cựu, nghinh tân*” và gửi gắm vào đó những ước vọng về một năm mới đủ đầy, sung túc. Với tranh dân gian Hàng Trống thì người Hà Nội xưa không chỉ là để trang hoàng ngày Tết, mà trong mỗi bức tranh còn ẩn chứa những ý nghĩa nhân văn sâu sắc

riêng, mang thông điệp văn hoá, thẩm mỹ và những triết lý xã hội.

## 2. LƯỢC SỬ NGHIÊN CỨU

Tranh dân gian Việt Nam là đối tượng nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn hoá mà nhiều tác giả trong và ngoài nước đã mất rất nhiều thời gian, công sức nghiên cứu. Họ cũng đã cho ra đời nhiều đầu sách, bài viết có giá trị đã được xuất bản. Còn riêng về dòng tranh dân gian Hàng Trống thì chưa có nhiều sách, nhưng cũng đã có một số bài viết được tiếp cận từ nhiều hướng khác nhau như:

Năm 2003, tác giả Trần Đình Thọ có bài viết về Tranh Tết những ngày đầu độc lập. Bài viết nói về nhu cầu chơi tranh của người Hà Nội trong những ngày đầu giải phóng Thủ đô năm 1954.

Năm 2011, tác giả Trần Mai Thanh có nghiên cứu Tranh dân gian Hàng Trống, trong bài viết tác giả tập trung vào các nội dung về ngôn ngữ tạo hình, kỹ thuật thể hiện và ý nghĩa văn hóa.

Năm 2015, tác giả Phan Ngọc Khuê biên soạn cuốn Tranh dân gian Hàng Trống Hà Nội, do nhà xuất bản Hà Nội phát hành. Cuốn sách này tác giả đã tìm hiểu sự hình thành, phát triển tranh dân gian Hàng Trống. Ngoài ra tác giả còn đề cập đến đặc điểm kĩ thuật, hình thức nghệ thuật, nội dung tranh và giới thiệu các thể loại tranh dân gian Hàng Trống.

## 3. NỘI DUNG

### 3.1. Vài nét khái quát về tranh dân gian Hàng Trống

Các phố làm tranh Hàng Trống ở Hà Nội, trước kia đều thuộc tổng Tiên Túc

sau đổi thành tổng Thuận Mỹ, huyện Thọ Xương của kinh thành Thăng Long. Phố Hàng Trống thuộc phần đất thôn Tụ Tháp xưa kia. Đây là một khu vực vốn nổi tiếng về nhiều nghề thủ công mỹ nghệ như: làm tranh dân gian, các loại trống, tàn, lọng, tán, mũ măng, áo xiêm, cò, quạt, các loại hòm, tráp sơn, các kiểu nón... Tranh dân gian Hàng Trống là loại tranh dân gian do các nghệ nhân Hà Nội xưa sản xuất và bán ở phố Hàng Trống. Ngoài ra, tranh Hàng Trống cũng được làm ở các phố Hàng Nón, Hàng Quạt, Hàng Hòm (Hà Nội), đồng thời cũng bày bán ở các phố này, nhưng tập trung làm và bán nhiều nhất vẫn ở phố Hàng Trống. Dòng tranh dân gian Hàng Trống, ngoài các cửa hiệu, người ta còn bày bán từng quây trên hè phố, nhất là vào dịp cuối năm, để tiện phục vụ khách hàng sắm Tết.



Hình 1. Tranh Tết Hàng Trống  
“Cá chép vượt vũ môn”

Một số chủ đề của tranh Hàng Trống bao gồm tranh tôn giáo, tranh

chúc tụng, tranh cảnh vật, tranh tích truyện và tranh sinh hoạt. Phần lớn tranh Hàng Trống thuộc chủ đề tôn giáo, phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng đa dạng của giới thị dân như tranh Phật (Phật Bảo, Pháp Bảo, Quan Âm...), tranh Mẫu (Tam Toà Thánh Mẫu, Đức Thánh Trần, Ông Hoàng Bảy, Ông Hoàng Mười, Tứ Phủ, Ngũ Hồ...), tranh Đạo (Trương Thiên Sư, Thái Thanh, Ngọc Thanh...). Tranh thờ được bán quanh năm và vào dịp Tết Nguyên đán, người dân có nhu cầu sẽ mua về để thay trong không gian thờ cúng của gia đình. Tranh chúc tụng, chơi Tết phổ biến của dòng tranh này là các bức Tiến Tài, Tiến Lộc, Tứ quý, Tứ bình, Tổ nữ, tranh công, tranh cá,...

Dòng tranh dân gian Hàng Trống thực sự phát triển vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Nhưng sang tới giữa thế kỷ XX trở đi dòng tranh này bắt đầu suy tàn, hầu như các nhà làm tranh đều giải nghệ. Nhiều nhà làm tranh còn đốt bỏ hết những dụng cụ làm tranh như ván, bản khắc [3]. Lý do này một phần là do thú chơi tranh của người Hà Nội đã đổi khác, một phần do việc làm tranh không có thu nhập cao nên nhiều người đã chuyển nghề.

### 3.2. Sự tương đồng và khác biệt của tranh dân gian Hàng Trống với các dòng tranh dân gian khác

#### 3.2.1. Tranh Hàng Trống với tranh Đông Hồ (Bắc Ninh)

Tranh dân gian Hàng Trống có kỹ thuật và phong cách khác biệt tranh dân gian Đông Hồ:

Tranh Đông Hồ sử dụng ván in nét và màu để tạo nên hình vẽ trong tranh thì ở tranh dân gian Hàng Trống chỉ dùng ván khắc gỗ in nét tranh trên chất liệu giấy dó, sau đó tô màu.

Tranh dân gian Hàng Trống sử dụng phẩm màu, bán sẵn trên thị trường, còn màu trong tranh Đông Hồ là những màu được làm từ những nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên như là cỏ cây, sỏi, bột vỏ sò điệp...

Tranh dân gian Hàng Trống thường to, nguyên khổ chứ không là tranh khổ nhỏ như trong tranh Đông Hồ. Thậm chí trong tranh Đông Hồ còn có dòng tranh “lá mít” rất nhỏ. Trong khi đó, tranh dân gian Hàng Trống được in trên giấy dó bồi dày hay giấy báo khổ rộng. Có những tranh bộ khổ to và dài, thường bồi dày hai đầu trên dưới lồng suốt trục để tiện treo, phù hợp với kiểu kiến trúc nhà cao, cửa rộng nơi thành thị.

Hai dòng tranh có khá nhiều điểm chung về chủ đề nhưng trong cách diễn đạt lại có sự khác nhau trong lối tạo hình. Tranh Đông Hồ có lối tạo hình đơn giản, chất phác còn tranh Hàng Trống có lối tạo hình phức tạp, đi sâu vào diễn tả chi tiết. Khi đã có được bản in hoàn chỉnh, người vẽ tranh Hàng Trống dùng bút lông chấm màu để tô lên từng mảng màu đậm nhạt, tùy theo nội dung, đường nét và các loại tranh. Do cách tô màu bằng tay của tranh Hàng Trống nên ở mỗi tờ tranh đều có nét sáng tạo riêng, kỹ thuật tô này được gọi là vờn màu. Đó là dùng bút lông mềm rộng bản, một nửa ngọn

bút chấm màu, còn nửa ngọn bút kia chấm nước lã để tô tranh.

### **3.2.2. Tranh Hàng Trống với tranh Kim Hoàng (Hà Tây cũ)**

Tranh Kim Hoàng có đủ loại tranh thờ cúng, tranh chúc tụng như tranh dân gian Hàng Trống. Tranh Kim Hoàng là sự kết hợp giữa lối tạo hình cô đọng, đơn giản trong tranh Đông Hồ cũng như màu sắc lại tươi sáng như tranh Hàng Trống.

Một nét đặc trưng nữa của dòng tranh Kim Hoàng là in trên giấy đỏ, không in trên giấy dó như trong tranh Hàng Trống.

Cách thức làm tranh dân gian Kim Hoàng cũng khá giống với cách làm tranh Hàng Trống, đó là sử dụng ván khắc nét để in lấy nét và dựa vào đó mà tự do chấm phá màu sắc theo cảm xúc riêng của mỗi người.

Vì thế, mỗi bức tranh lại có một sự phóng khoáng và diện mạo riêng dù cùng được in ra từ một bản khắc. Tuy nhiên, ở nhiều bức tranh Kim Hoàng, chúng ta thấy có hiện tượng in chồng nét, đó là sau khi in bản nét đầu tiên và tô màu xong, nghệ nhân đợi khô và tiến hành in tiếp một lần nét nữa để giới hạn phạm vi của khuôn hình và làm các mảng màu được nổi bật lên.

### **3.2.3. Tranh Hàng Trống và tranh làng Sinh (Huế)**

Về cơ bản tranh dân gian Hàng Trống có nhiều điểm tương đồng với tranh dân gian làng Sinh, cả về nội dung lẫn cách thức thể hiện, đó là cũng thực

hiện việc in bản nét xong và tô màu. màu trong tranh làng Sinh cũng được tạo nên từ các sản phẩm tự nhiên như thực vật, kim loại hay từ vỏ sò điệp... Tuy nhiên, trong những năm gần đây thì đã chuyển sang phẩm màu như trong tranh Hàng Trống. Ở một số tranh làng Sinh trong giai đoạn trước cũng được quét điệp (như trong tranh dân gian Đông Hồ) nhưng sau này cũng chỉ in trực tiếp trên giấy dó mộc. Gam màu chủ yếu trên tranh làng Sinh là các màu xanh dương, vàng, đỏ, đen, lục. Mỗi màu này có thể trộn với hồ điệp hoặc tô riêng, khi tô riêng phải trộn thêm keo nấu bằng da trâu tươi [3].

Tuy nhiên, có lẽ điểm khác biệt lớn nhất trong tranh làng Sinh chính là mục đích sử dụng. Tranh làng Sinh chủ yếu phục vụ tín ngưỡng, có thể chia làm ba loại:

- Tranh nhân vật, chủ yếu là tranh tượng bà, thường vẽ một người phụ nữ xiêm y rục rỡ với hai nữ tì nhỏ hơn đứng hầu hai bên. Tượng bà còn chia thành ba loại: tượng đẽ, tượng chùa, và tượng ngang.

- Vẽ các loại nhân theo tín ngưỡng dân gian của khu vực miền Trung như tranh ông Diêu, ông Đốc và Táo quân.

- Tranh vẽ các thứ áo, tiền và dụng cụ để đốt cho người cõi âm: áo ông, áo bà, áo binh, tiền, cung tên, dụng cụ gia đình... thường là tranh cỡ nhỏ. Tranh động vật như tranh gia súc, voi, cạp và tranh mười hai con giáp để đốt cho người chết. Tất cả các loại tranh này sẽ được đốt sau khi cúng xong.

### 3.3. Giá trị nghệ thuật tạo hình và ý nghĩa nhân văn của tranh dân gian Hàng Trống trong trang trí ngày Tết

#### 3.3.1. Giá trị nghệ thuật tạo hình trong tranh dân gian Hàng Trống

Cũng giống tranh dân gian Đông Hồ, tranh dân gian Hàng Trống nằm trong dòng tranh dân gian Việt Nam, cũng gồm một số đề tài chủ yếu như tranh thờ, tranh chúc tụng, tranh sinh hoạt. Trên cơ sở các bức tranh còn lưu lại đến nay, đặc trưng về ý tưởng sáng tác trong tranh Hàng Trống chủ yếu nằm ở một số điểm sau:

- Tranh thờ có một số bức tranh như: “*Ngũ Hồ*”, “*Bạch Hồ*”, “*Hắc Hồ*”, “*Đức Thánh Trần*”, “*Ông Hoàng Ba*”, “*Mẫu Thượng Ngàn*”... có ý tưởng sáng tác gắn liền với chư vị thần linh trong tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ, tứ phủ, trong đó thể hiện những nhân vật thần thánh tuy ở chốn tâm linh nhưng hình tượng rất gần gũi với tạo hình dân gian.

- Tranh liên quan đến sinh hoạt và thiên nhiên như: “*Chợ Quê*”, “*Canh nông chi đồ*”, có lối tạo hình đơn giản, tái hiện những cảnh sinh hoạt của người dân.

- Tranh chúc tụng như: “*Phúc Lộc Thọ*”, “*Thất Đòng*”, “*Tôn Tử Vạn Đại*”... cũng như dòng tranh minh họa, tranh vui: “*Bịt mắt bắt dê*”, “*Thúy Kiều gặp Kim Trọng*”... được lấy ý tưởng sáng tác từ một số điển tích, trong các giai thoại trong văn học [2].

Nghệ thuật tạo hình trong tranh dân gian Việt Nam nói chung và tranh Hàng Trống nói riêng luôn gắn bó và in đậm dấu ấn trong cuộc sống tình cảm của con người Việt Nam. Chủ đề tư tưởng cùng những đặc trưng độc đáo riêng biệt của tranh dân gian là yếu tố tạo nên giá trị nghệ thuật thoả mãn nhu cầu thẩm mỹ của người xem.

### \* Quan niệm tạo hình

Qua những tác phẩm nghệ thuật của cha ông, chúng ta thấy đó là những sáng tạo theo lối nhập tâm, bằng những trải nghiệm, quan sát cuộc sống và được khái quát lại. Những suy tư, cảm nhận của bản thân đối với cuộc sống xung quanh được tái hiện qua những chủ đề trong tranh. Các nghệ nhân, bằng trực cảm của mình, đã sáng tác theo tinh thần tự do, khoáng đạt. Điều này cho thấy một chiều sâu tâm thức của họ về sự vật hiện tượng trong bối cảnh xã hội mà họ sinh sống. Nhìn chung, quan điểm cách thức sáng tác của người xưa là đi theo trục Ý - Tượng - Hình.

Quan niệm sáng tác trong tranh Hàng Trống rất phong phú, đặc biệt dòng tranh thờ và tranh chúc tụng có nhiều tranh hơn dòng tranh khác. Các bức tranh thờ liên quan đến tín ngưỡng thờ Mẫu thì thường dựa trên các sự tích, truyền thuyết về các vị Thần, Phật, Thánh Mẫu để vẽ. Những bức vẽ Thánh Mẫu như: “*Tam Toà Thánh Mẫu*”, hay “*Thánh Mẫu Địa*”, “*Thánh Mẫu Thoải*”, “*Thánh Mẫu Thượng ngàn*”, không chỉ

thể hiện ra sự kính ngưỡng với những vị Mẫu nghi thiên hạ của dân gian, mà còn thể hiện ra những sự tinh tế trong trang phục, sự tao nhã của lối sống sang quý và mang hồn cốt của người Việt. Tính chất cân bằng, đặng đối trong tác phẩm cũng thể hiện. Bức tranh “*Ngũ Hồ*” còn thể hiện ra quan niệm về thế giới qua màu sắc ngũ hành. Tất cả được mã hóa và hình ảnh các vị chúa Sơn Lâm, biểu trưng cho sức mạnh. Hồ vàng (Hoàng hồ) ngồi chính giữa tranh tượng trưng cho hành Thổ, ứng với trung ương chính điện; Hồ xanh (Thanh Hồ) tượng trưng cho hành Mộc, ứng với phương Đông; Hồ trắng (Bạch Hồ) là hành Kim, ứng với phương Tây; Hồ đỏ (Xích hồ) là hành Hỏa ứng với phương Nam; Hồ đen (Hắc hồ) là hành Thủy ứng với phương Bắc. Sự sắp đặt của các nhân vật này trong tranh đã tạo nên vòng tuần hoàn của nguyên lý Ngũ hành tương sinh tương khắc. Do vậy, vào dịp lễ tết các tranh này thường được mua về, với quan niệm tạo thêm sinh khí của một năm mới no ấm, sung túc [4].

Đối với mảng đề tài phản ánh về đời sống sinh hoạt, cũng như minh họa thì quan niệm sáng tác thường mang tính mô phỏng, tái hiện hiện thực một cách khách quan. Chúng ta dễ dàng bắt gặp những hình ảnh thân quen, dân dã trong mảng đề tài này, từ không gian bên nước, sân đình, cây đa, lũy tre đến các con vật quen thuộc như con trâu, con bò, con cá... Qua tranh dân gian Hàng Trống, chúng ta còn thấy được trang phục của thời xưa được thể hiện khá rõ nét như áo tứ thân

của tầng lớp thị dân, trang phục của tầng lớp vua, quan, ông đồ...

### \* Ngôn ngữ tạo hình

- Bố cục: Tùy theo chủ đề, các nghệ nhân đã chủ động sắp xếp các khuôn hình trong tranh theo những cách khác nhau, tạo nên những thế bố cục đi từ hồn nhiên, thô mộc, đơn giản đến uyển chuyển, tinh tế, phức tạp, mang tính chủ động rất cao. Ví dụ ở bức tranh “*Hộ pháp Vũ Di*”, hình hộ pháp to, chiếm phần lớn bức tranh, dáng của hộ pháp hướng về phía bên phải nhưng đầu quay hướng bên trái tạo cảm giác hài hòa, cân đối. Kiểu bố cục này còn gặp ở nhiều tranh khác như tranh “*Bạch Hồ*”, “*Xích Hồ*”... Hay trong bộ tranh bốn bức “*Tổ nữ*” thì dù mỗi bức là một bố cục hoàn chỉnh nhưng khi ghép bốn bức tranh lại thì chúng ta thấy tạo nên một bố cục cân đối hướng tâm. Bức “*Vợ chồng ngâu*”, “*Công việc nhà nông*” thì hình thức đối xứng qua đường chéo của bức tranh, cả hình và màu tạo nên sự hài hòa, cân đối.

- Đường nét: Tranh dân gian Hàng Trống chủ yếu được in bằng ván khắc nên có chỗ nét tinh nhỏ, có chỗ nét to khỏe. Đây chính là đặc điểm để người nghệ nhân căn cứ vào tô màu cho phù hợp. Khác với tranh Đông Hồ thường được tạo ra bằng cách in chồng các ván màu lên nhau, sau đó bản nét được in cuối cùng để tạo nên thần thái của tác phẩm, thì tranh Hàng Trống của Hà Nội lại sử dụng kỹ thuật nửa in, nửa vẽ. Tranh Hàng Trống là thể loại tranh được in một lần bản nét, để làm xương sống cho tác

phẩm sau đó người nghệ nhân phải gia công bằng việc tô phẩm màu lên.

- Hình khối: Khối trong tranh dân gian Hàng Trống chủ yếu ở các hình lớn, được tạo nên bởi kỹ thuật vờn màu điêu luyện của người nghệ nhân tạo nên những sắc độ đậm nhạt, chuyển đổi êm tạo khối cho hình. Các hình nhỏ chủ yếu tô kín màu với một sắc độ. Do đó, tuy cùng một bản in như nhau nhưng tùy cảm hứng của người nghệ nhân mà các tác phẩm tranh dân gian Hàng Trống vẫn có sự khác biệt nhìn rõ rệt, kể cả trong hình thức tạo khối và chính cách thức làm tranh khác biệt này đã tạo nên dấu ấn riêng của tranh Hàng Trống. Trong quá trình tô màu, các nghệ nhân dân gian Hàng Trống đã vờn chuyển màu, tạo độ đậm nhạt sáng - tối, chuyển sắc tinh tế nên các nhân vật trong tranh không còn là mảng bẹt như cách thể hiện của các dòng tranh đương thời. Với bút pháp diễn tả ấy các nhân vật đã “nổi khối”.

- Màu sắc: Trong tranh dân gian Hàng Trống chủ yếu là màu phẩm, bán sẵn ở thị trường, đôi khi thêm màu bột trắng hay màu nhũ vàng, nhũ trắng ở một số dòng tranh thờ để tạo hiệu ứng. Mặc dù, bảng màu của dòng tranh dân gian Hàng Trống chỉ giới hạn ở một số màu cơ bản nhưng do tô bằng tay, ở nhiều diện khác nhau, nên có lúc phẳng, có lúc gợn khối, tạo được nhiều sắc thái nên hòa sắc hết sức phong phú, khi dịu dàng, rực rỡ, khi dữ dội. Các gam màu chủ yếu là lam, hồng đôi khi có thêm lục, đỏ, da

cam, vàng... khi kết hợp với nhau không hề có cảm giác chói mà đầm ấm, vui tươi như không khí của Tết. Tuy có sự phối hợp của cả gam màu nóng và lạnh trên toàn bộ bức tranh, nhưng mỗi màu lại được khu biệt riêng tạo ra những sắc thái hòa hợp, tươi mới mà thể hiện rõ một hàm ý, mang triết lý sâu xa của quan niệm dân gian truyền thống: cân đối, hài hòa trong một tổng thể chung [3].

#### \* Thủ pháp tạo hình

- Đồng hiện và liên hoàn: Trong tranh dân gian Hàng Trống không theo một trật tự cố định, không có điểm nhìn cố định mà tất cả trời - đất - người đều ước lệ và cùng đồng hiện trên mặt tranh. Đồng hiện là thủ pháp tạo hình cho phép người họa sĩ - nghệ nhân trên cùng một mặt phẳng có thể cùng một lúc tái hiện nhiều hoạt cảnh của đời sống với không gian, thời gian khác nhau. Ở đây, không gian không bị gò bó bởi chiều thời gian. Hình thức diễn đạt không gian này tạo cảm giác hoà hợp, hoà đồng và thanh bình. Ở đây các hình tượng tuy cũng có vật xa vật gần, nhưng lại tương đương với nhau về tỷ lệ, không giống như sự biến dạng to nhỏ trong không gian thấu thị. Cách xây dựng tuyến nhân vật theo địa vị xã hội, nhân vật nào quan trọng, có địa vị cao thì vẽ to hơn cả như các ông quan, vua chúa, bậc thánh nhân, thần phật, còn thường dân, hay các hình tượng phụ thì vẽ nhỏ và quan trọng hơn cả là nó biểu đạt được trọng tâm nội dung cần truyền tải đến người xem.

Trong tranh dân gian Hàng Trống, chúng ta thấy rất rõ một điểm rằng không hề thấy bối cảnh phía sau làm nền mà chủ yếu là nền trống ở dạng phẳng. Một không gian làm nền cho hình tượng thì tự thân nó đã “tự nguyện” làm nền cho đối tượng ấy. Nghệ nhân Hàng Trống xưa sáng tác không gian dựa trên nguyên lý đậm - nhạt, tương phản để tách hình tượng ra khỏi nền bằng đường viền và tương quan giữa hình và nền. Trong bức “*Cá Chép trông trăng*”, chúng ta có thể cảm thấy mặt nước trong trẻo mát lạnh chuyển động trong bức tranh bởi lối diễn tả không gian xung quanh và cách tạo hình cho đối tượng. Trong bức “*Chim Công*”, nền tranh trống trắng thể hiện không gian đất trời là một và phân cách bằng tầng đá và cỏ cây mọc từ dưới lên như để xác định chiều của không gian. Người nghệ nhân xưa đã có ý rõ ràng khi bỏ trống không gian nền. Nếu họ thêm một số bối cảnh lên nền đó thì cảnh vật và con công sẽ bị gò bó hoàn toàn vào khuôn tranh và không gian trở nên chật hẹp.

- Cường điệu: Yếu tố này được các nghệ nhân sử dụng một cách linh hoạt, hướng đến làm rõ một chủ đề hoặc tạo điểm nhấn trong tranh. Điều này được thể hiện rõ nhất trong mảng trang thờ, đó là các nhân vật như cô Ba, hay Phật bà được nghệ nhân sử dụng thủ pháp cường điệu để luôn giữ vị trí to nhất, trung tâm của cả bức tranh. Trong tranh “*Cá chép trông trăng*”, con cá chép được tạo hình chiếm phần lớn bức tranh và nghệ nhân



đã dùng hình ảnh đối xứng để diễn tả con cá đã trông trắng, nhưng là bóng trắng dưới nước.

- Nhiều điểm nhìn: Đây là hình thức diễn đạt phối hợp nhiều điểm nhìn hay là thủ pháp cùng một lúc đưa nhiều góc nhìn ở các vị trí khác nhau về một đối tượng trên một mặt phẳng. Thủ pháp tạo hình này tuy không có ý chia cắt, mở xẻ không gian của đối tượng hay phân tích cấu trúc không gian như trường phái lập thể phương Tây. Mà ở đây chỉ thuần túy diễn đạt đến sự thoả mãn về thị giác, với mục đích diễn tả cái giá trị “Chân” của sự vật hiện tượng. Chúng ta cũng thấy có luật thấu thị trong các dạng bố cục, như vậy nhưng là thấu thị hai đường song song không có điểm tụ, dùng mô tả các công trình kiến trúc trong tranh hay những khối cầu, khối hộp. Thủ pháp này cũng được các nghệ nhân sử dụng trong những đề tài diễn tả nhiều người như trong bức “*Kẻ chợ*”, “*Chợ quê*”, “*Công việc nhà nông*”...

- Kết hợp trang trí và tả thực: Thủ pháp này chủ yếu xuất hiện trong các dòng thờ để tạo nên tính chất uy linh cao siêu, thần thánh thông qua dạng cấu trúc mang tính trang trí. Với cách thể hiện này, các nghệ nhân xưa đã cho người xem thấy cả cõi thực và cõi huyền trong tranh, mà những yếu tố này ta vẫn thấy xuất hiện trong trường phái siêu thực hiện đại phương Tây. Cái thực và cái hư như hai thế đối lập, kết hợp nhuần nhuyễn với nhau tạo ra một bố cục rất đặc trưng độc đáo của nghệ thuật truyền

thống và đó là sự kết hợp tài tình giữa hai tính chất tương chừng không thể đi đôi với nhau: tính trang trí và tính hiện thực [4].

Trong tranh thờ “*Ngũ Hồ*” cũng là một trong những bức tranh tiêu biểu cho thủ pháp sử dụng không gian siêu thực. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố thực và hư, trang trí và tả thực. Hình tượng Hồ là thực đồng thời ta cũng thấy những hình tượng ấy mang một ý nghĩa khác. Không gian trong bức tranh ấy hoàn toàn mang yếu tố tâm linh. Các nghệ nhân đã phối hợp hoạ tiết, hình tượng, màu sắc tạo cho bức tranh một hệ thống khép kín hình chữ nhật. Năm “*Ông Hồ*” mang năm màu sắc khác nhau tượng trưng cho ngũ hành Kim - Mộc - Thủy - Hoả - Thổ. Sự tổng hoà các mối quan hệ màu sắc trong bức tranh này thể hiện sự hội tụ của vũ trụ, đồng thời nó biểu hiện những giá trị tư tưởng triết lí và tính thẩm mỹ dân gian [3].

- Tính khái quát cao: Mĩ thuật truyền thống Việt Nam không truyền tải theo cách trực quan như nghệ thuật phương Tây cổ điển, mà họ vẽ những gì họ cảm nhận được trong cuộc sống hiện thực. Người nghệ nhân quan sát, trải nghiệm cuộc sống để hình thành Ý rồi sau đó khái quát lại trong tác phẩm thành Tượng. Tiếp đến, họ cụ thể hóa ra ngoài bằng Hình với một tâm hồn tự do, khoáng đạt không lệ thực. Những hoa văn vốn không chỉ là đường cong, đường thẳng, hay tiết tấu lặp đi lặp lại.

Đằng sau chúng có thể là những cảm xúc không thể diễn tả được bằng lời mà phải dùng cấu trúc Ý - Tượng - Hình để biểu cái đẹp. Bên cạnh đó, yếu tố khái quát cao trong thủ pháp tạo hình của tranh dân gian Hàng Trống còn ngầm ẩn cái duyên thầm kín, cái dí dỏm sâu xa, những gửi gắm tâm tư, tình cảm, thái độ xã hội của người nghệ nhân xưa vào trong tranh. Hình ảnh đám trẻ bịt mắt chơi trò đuổi bắt, bắt dê, chuột vinh quy, lớp học, múa sư tử, rồng rắn lên mây... tuy tồn tại rất thân quen song được khái quát cao và trong đó gửi gắm nhiều ước nguyện của người dân, đó là yếu tố rất riêng trong cách nhìn và lối diễn tả mang bản sắc độc đáo.

### 3.3.2. Ý nghĩa nhân văn của một số bức tranh dân gian Hàng Trống trong trang trí ngày Tết

#### \* Tranh “*Phúc Lộc Thọ*”:

Bức tranh thể hiện ba ông già *Phúc Lộc Thọ* như thường thấy và hơn thế nữa: thêm người trung niên và thêm trẻ em lớn nhỏ, thành quang cảnh tam đại đồng đường. Từng chi tiết nhỏ đều có ý nghĩa sâu sắc: già ôm trẻ, trẻ quán quýt bên già, người trung niên mỉm cười với vẻ mặt mãn nguyện. Tranh cho thấy ước vọng về tất cả những điều tốt đẹp trong cuộc sống: may mắn, tài lộc, trường thọ.

#### \* Tranh “*Tổ nữ*”:

Bộ bốn bức “*Tổ nữ*” có những nét đặc sắc riêng trong văn hóa Việt Nam. Bộ tranh thể hiện bốn thiếu nữ Việt vấn tóc đuôi gà, mặc áo ngũ thân thời Nguyễn, đứng với bốn

cử chỉ khác nhau: cô thổi sáo, cô cầm sênh tiền, cô cầm quạt và cô gảy đàn nguyệt. Mỗi người một vẻ đẹp và mang nét mặt thể hiện tâm hồn thiếu nữ Việt Nam xưa. Không chỉ đơn giản là bốn cô gái với nhạc cụ trên tay, bộ tranh còn gửi tới người thưởng thức những thông điệp đặc biệt khác, như được thể hiện trong một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt bằng chữ Hán trên mỗi bức tranh.

Theo nhà nghiên cứu Phan Ngọc Khuê, bộ tranh “*Tổ nữ*” xuất phát từ tục thờ cúng của người Việt như hát cửa đình để dâng những âm thanh đẹp để lên thần thánh. Bộ tranh là lời chúc Tết các nghệ nhân muốn gửi tới mọi nhà: Chúc cho năm mới nhà ai cũng sẽ tràn đầy “*tiếng vui*”.

#### \* Tranh “*Thất đồng*”:

Bức này còn gọi là tranh Hái đào, lấy hình mẫu trong dòng tranh Niên họa của Trung Quốc nhưng được Việt hoá mạnh mẽ với hình ảnh những đứa trẻ ngộ nghĩnh, dễ thương đang trèo lên cây đào hái quả. Số bảy trong văn hoá phương Đông tượng trưng cho sự may mắn. Bức tranh thể hiện ước vọng sung túc, đủ đầy may mắn, không khí tươi vui, phồn thịnh, đông con, nhiều cháu của các gia đình khi treo tranh này trong nhà vào ngày Tết.

#### \* Tranh “*Tứ quý*”:

Bộ tranh thể hiện ước vọng bốn mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông mưa nắng thuận hoà, mọi việc suôn sẻ.

- Mai: trong trắng trong khỏ hàn.
- Lan: mĩ miều trong sinh sôi, nảy nở.
- Trúc: thanh cao không vương bụi trần.

- Cúc: tốt đẹp, may mắn trong thành quả.

Nội dung tương tự là tranh khắc họa bốn loại cây tùng - cúc - trúc - mai tượng trưng cho bốn mùa trong năm là xuân - hạ - thu - đông. Bốn loại cây này là bốn loại cây tượng trưng cho những tính cách tốt đẹp, cao quý của con người.

- Mai tương ứng với mùa xuân, biểu thị sự tốt tươi, sức sống mạnh mẽ.

- Trúc tương ứng với mùa hạ, biểu tượng cho sự ngay thẳng của con người.

- Cúc tương ứng với mùa thu, biểu tượng cho sự cương trực, có lập trường, dù úa tàn thì bông vẫn ở trên thân cây.

- Tùng tương ứng với mùa đông, vẫn sinh trưởng mạnh mẽ trên vùng núi cao khô cằn chống chọi với giông gió, vì thế có ý nghĩa tượng trưng cho tinh thần vượt khó của con người.

Theo quy tắc cổ truyền, mỗi loài thực vật đi đôi với một loài chim nhất định: hoa cúc - gà; hoa hồng - chim công; hoa mai - không tước; sen - vịt; cây tùng - chim hạc; cây trúc - chim sẻ.

Những hình ảnh này không chỉ có ý nghĩa mang lại sức sống và sự sinh động cho toàn bộ bức tranh, mà còn góp phần tạo nên những điểm nhấn ấn tượng trong sự tương phản tính cách. Ví dụ như: trúc - sẻ: trúc là hình ảnh tượng trưng cho người quân tử, còn sẻ lại là tượng trưng cho kẻ tiểu nhân; hay sen - vịt với ý nghĩa thể hiện sự hài hòa về tính cách chậm rãi, tự tại, ung dung và vô cùng hiền lành,...

\* Tranh “**Chim công**”:

Chim công còn có tên gọi là không tước. Trong thuật phong thủy, công được coi là đại diện của phượng hoàng hiện diện trên trái đất. Chim công để lại ấn tượng cho người xem bằng bộ lông có màu óng ánh, xòe ra hình quạt rất đẹp. Chim công có bộ lông đẹp xòe rộng là chim công trống, còn chim công mái không có đuôi đẹp được như thế. Thời phong kiến chỉ có các quan ngũ phẩm trở lên mới được phép cài lông công trên mũ. Vì thế chim công cũng là biểu tượng của uy quyền.

\* Tranh “**Cá chép vượt vũ môn**”:

Đây là một trong những đề tài điển hình của phong cách tranh Hàng Trống. Tranh “*Cá chép vượt vũ môn*” mang ý nghĩa tượng trưng cho khát vọng vươn đến tầm cao mới của con người trong cuộc sống. Bên cạnh sự cầu mong tài lộc, bức tranh còn là lời nhắc nhở con người luôn biết mài dũa, trau dồi bản thân để nâng cao phẩm chất, năng lực rồi sẽ thành công.

#### 4. KẾT LUẬN

Tranh Tết dân gian Hàng Trống còn lưu lại mãi trong tâm trí mỗi người Hà Nội yêu tranh. Ngày này do một số điều kiện chủ quan cũng như khách quan, tranh dân gian Việt Nam nói chung và tranh Hàng Trống nói riêng đang dần mai một. Vì thế, không có gì ngạc nhiên khi nhiều người Hà Nội nay chỉ được nghe tới loại tranh này mà chưa từng có dịp được thấy và được hiểu về những giá trị tinh thần của nó. Hy vọng tranh dân gian Hàng Trống sẽ không mất đi mà vẫn được duy trì và phát triển, để mãi lưu giữ được một nét tinh

thần riêng có của chốn kinh kì ngàn năm cũng như một vốn cổ của dân tộc.

Những tác phẩm của dòng tranh dân gian Hàng Trống kể trên, quả là những kiệt tác, chúng toát lên cái sinh động, tinh tế, ý nhị và sâu sắc lạ thường. Phải nhận thấy rằng, ở những bức tranh này đã bộc lộ đầy đủ tài năng của những người nghệ nhân vẽ tranh Hàng Trống và được thể hiện qua nội dung, hình thức đến chất liệu. Điều này đã giúp tranh Hàng Trống mang màu sắc đặc trưng riêng của Hà Nội, nhưng cũng rất Việt Nam, không thể trộn lẫn. Những bức tranh tuyệt mỹ của dòng tranh này

được nhân dân Việt Nam đến nay vẫn yêu thích và là một niềm tự hào của chúng ta.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Vũ Tuấn Anh (2002), *Tinh minh triết trong tranh dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Phạm Thị Chinh (2009), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm.
3. Chu Quang Trứ, Phạm Thị Chinh, Nguyễn Thái Lai (1998), *Lược sử Mỹ thuật và mỹ thuật học*, Nxb Giáo dục.
4. Chu Quang Trứ (2013), *Văn hoá Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật.